

## Điều tra cây thuốc và giá trị sử dụng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Sán Dìu ở tỉnh Thái Nguyên

Lê Thị Thanh Hương<sup>1,\*</sup>, Ngô Đức Phương<sup>2</sup>, Hoàng Thị Tươi<sup>1</sup>,  
Đình Thế An<sup>1</sup>, Nguyễn Trung Thành<sup>2</sup>, Nguyễn Nghĩa Thìn<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên, Tp Thái Nguyên, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 03 tháng 7 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 18 tháng 8 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 9 năm 2014

**Tóm tắt:** Sán Dìu là một dân tộc thiểu số cư trú khá đông ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam và nhiều nhất ở tỉnh Thái Nguyên với số dân là 37.365 người (năm 1999). Họ sinh sống ở các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Thái Nguyên. Theo các tài liệu đã được công bố, cộng đồng người Sán Dìu ở tỉnh Thái Nguyên có tổ tiên xưa kia là người Quảng Đông (Trung Quốc). Họ di cư sang Việt Nam cách đây vài trăm năm và mang theo nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng cây cỏ làm thuốc chữa bệnh. Để góp phần làm phong phú thêm kho tàng tri thức về cây thuốc và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của cộng đồng các dân tộc thiểu số, chúng tôi đã tiến hành điều tra trong cộng đồng dân tộc Sán Dìu ở tỉnh Thái Nguyên. Kết quả thu được 178 loài cây thuốc thuộc 141 chi, 69 họ của 3 ngành thực vật bậc cao có mạch. Đã xác định được phổ dạng sống, phổ yếu tố địa lý của hệ thực vật làm thuốc và tri thức bản địa về sử dụng cây thuốc của dân tộc Sán Dìu ở tỉnh Thái Nguyên. Theo Sách đỏ Việt Nam, chúng tôi đã tìm thấy 16 loài thuốc quý hiếm cần bảo tồn hiện có ở khu vực nghiên cứu.

*Từ khóa:* Cây thuốc, tri thức bản địa, dân tộc Sán Dìu, Thái Nguyên.

### 1. Mở đầu

Thực vật dược đang được đánh giá là nguồn cung cấp nguyên liệu vô tận cho việc phát triển các thuốc mới để phòng chống bệnh tật cho con người. Trải qua hàng trăm năm, cộng đồng Sán Dìu ở Thái Nguyên đã tích lũy được những hiểu biết, kinh nghiệm trong

việc sử dụng cây cỏ làm thuốc chữa bệnh. Họ có cách chữa trị bệnh mang nét đặc trưng riêng của dân tộc mình, đối với cách chữa bệnh do rắn, rất cần họ thường hòa với nước vo gạo để rửa vết thương. Lấy thân, lá cây còn tươi đem vò nước uống cũng là cách chữa bệnh phổ biến của dân tộc này để chữa đái dầm, tiểu đường, họ còn biết dùng vỏ cây Núc nác (*Oroxylum indicum*) sắc nhỏ và rắc lên vết thương, lở loét cho vết thương chóng lành hay lấy lá tươi của

\*Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-4-38582178  
Email: lehuonga1k52@gmail.com

nhiều loại cây khác nhau đem hơi nóng sau đó đắp chữa đau đầu cũng là một cách chữa bệnh rất đặc sắc của cộng đồng người Sán Dìu. Vì thế việc tìm hiểu về cây thuốc và kinh nghiệm sử dụng thuốc của cộng đồng dân tộc Sán Dìu là một việc có ý nghĩa quan trọng, góp phần bảo tồn tri thức thực vật học dân tộc.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

*Phương pháp điều tra phỏng vấn:* Phỏng vấn người dân, đặc biệt là các ông lang, bà mẹ người dân tộc Sán Dìu về những kinh nghiệm sử dụng các loài cây làm thuốc và các bài thuốc gia truyền theo các tiêu chí trong dựa theo: Phiếu điều tra cây thuốc trong cộng đồng và phiếu điều tra bài thuốc dân gian (Viện Dược liệu, Bộ Y tế).

*Phương pháp thu thập và xử lý mẫu vật:* Thu mẫu cây thuốc theo sự chỉ dẫn của các thầy thuốc bản địa. Xử lý mẫu thu được và xác định tên khoa học của 178 mẫu tại Phòng thí nghiệm Khoa Khoa học Sự sống, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.

*Phương pháp phân tích và phân loại mẫu:* Phân loại mẫu dựa trên phương pháp hình thái truyền thống, kết hợp với kinh nghiệm của các chuyên gia và các bộ Thực vật chí chuyên ngành như: Phạm Hoàng Hộ (1999 - 2000) [1]; Đỗ Huy Bích và Cộng sự, (2004) [2]; Đỗ Tất Lợi (2005) [3]; Danh lục các loài thực vật Việt Nam (2001-2005) [4]; Võ Văn Chi (2012) [5];

*Phương pháp đánh giá tính đa dạng nguồn gen cây thuốc:* Đánh giá dựa trên phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn, [6].

*Phương pháp đánh giá đa dạng về yếu tố địa lí thực vật:* Việc xây dựng phổ các yếu tố

địa lí, dựa trên khung phân loại của Nguyễn Nghĩa Thìn, [6].

*Phương pháp đánh giá đa dạng về phổ dạng sống:* Sử dụng thang phân chia phổ dạng sống của Raunkiaer (1934), có bổ sung của Nguyễn Nghĩa Thìn [6].

*Phương pháp đánh giá mức độ nguy cấp:* Theo Sách đỏ Việt Nam, phần thực vật (2007) [8], theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP (2006) [9], theo Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam trong Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam - Nguyễn Tập (2007) [10].

## 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 3.1. Tiềm năng và hiện trạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở khu vực nghiên cứu

#### *Đa dạng về thành phần loài cây thuốc*

#### *Đa dạng bậc ngành*

Qua quá trình điều tra nghiên cứu, chúng tôi đã xác định được 178 loài cây thuốc được người Sán Dìu ở Thái Nguyên sử dụng để chữa bệnh thuộc 3 ngành thực vật là: ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), ngành Thông (Pinophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Kết quả được thể hiện qua Bảng 1:

Như vậy, đa số các taxon đều tập trung ở ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 67 họ (chiếm 97,10%), 139 chi (chiếm 98,58%), 176 loài (chiếm 98,88%); hai ngành còn lại chiếm tỉ lệ thấp với mỗi ngành có 1 họ, 1 chi và 1 loài. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có loài *Drynaria bonii* H. Christ (Tắc kè đá), ngành Thông (Pinophyta) có loài *Gnetum montanum* Marf. (Dây gắm).

Bảng 1. Sự phân bố các loài cây thuốc trong các ngành thực vật

TT	Ngành thực vật	Họ		Chi		Loài	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)	1	1,45	1	0,71	1	0,56
2	Ngành Thông (Pinophyta)	1	1,45	1	0,71	1	0,56
3	Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)	67	97,10	139	98,58	176	98,88
Tổng		69	100	141	100	178	100

### Đa dạng về bậc họ

Theo Tolmachov A.L. (1974), thành phần thực vật ở rừng nhiệt đới khá phong phú và đa dạng. Thể hiện là rất ít họ có số lượng trên 10% tổng số loài trong khu hệ thực vật. Khu hệ thực vật đó được gọi là đa dạng về bậc họ. Qua quá trình điều tra, thống kê cho thấy có 69 họ thực vật bậc cao được cộng đồng người Sán Diu cư trú tại Thái Nguyên sử dụng làm thuốc chữa bệnh. Trong số đó có 8 họ giàu loài (Bảng 2).

Bảng 2. Các họ giàu loài cây thuốc nhất

TT	Tên họ		Loài	
	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Euphorbiaceae	Thầu dầu	17	9,55
2	Fabaceae	Đậu	11	6,18
3	Asteraceae	Cúc	8	4,49
4	Rubiaceae	Cà phê	8	4,49
5	Moraceae	Dâu tằm	7	3,93
6	Acanthaceae	Ô rô	6	3,37
7	Myrsinaceae	Cơm nguội	6	3,37
8	Poaceae	Lúa	6	3,37

Qua Bảng 2 cho thấy, họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) có số lượng loài dùng để làm thuốc nhiều nhất với 17 loài, chiếm 9,55% trong tổng số loài cây thuốc. Có số loài nhiều

thứ 2 là họ Đậu (Fabaceae) có 11 loài chiếm 6,18% tổng số loài. Họ Cúc (Asteraceae) và họ Cà phê (Rubiaceae) đều có 8 loài chiếm 4,49% tổng số loài; họ Dâu tằm (Moraceae) có 7 loài chiếm 3,93%. Các họ Ô rô (Acanthaceae), Cơm nguội (Myrsinaceae), Lúa (Poaceae) đều có 6 loài chiếm 3,37% tổng số loài cây thuốc. Tổng số loài của 8 họ trên chỉ chiếm 38,75% trong tổng số loài cây thuốc và không có họ nào chiếm tới 10%, như vậy ta có thể khẳng định rằng thành phần loài cây thuốc tại đây rất đa dạng về bậc họ.

### Đa dạng bậc chi

Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy sự phân bố cây thuốc không đều nhau trong các chi. Kết quả thống kê của 6 chi có số lượng loài nhiều nhất được thể hiện qua Bảng 3.

Bảng 3. Các chi giàu loài cây thuốc nhất

TT	Tên chi	Thuộc họ	Số loài	Tỷ lệ %
1	<i>Ficus</i>	Moraceae	5	2,81
2	<i>Ardisia</i>	Myrsinaceae	4	2,25
3	<i>Phyllanthus</i>	Euphorbiaceae	4	2,25
4	<i>Clerodendrum</i>	Verbenaceae	3	1,69
5	<i>Morinda</i>	Rubiaceae	3	1,69
6	<i>Solanum</i>	Solanaceae	3	1,69

Trên đây là thống kê của 6 chi có số loài nhiều nhất. Chi *Ficus* có số loài nhiều nhất là 5

loài chiếm 2,81% tổng số chi trong hệ thực vật. Hai chi *Ardisia* và *Phyllanthus* đều có 4 loài chiếm 2,25%. Các chi *Clerodendrum*, *Morinda* và *Solanum* có số loài là 3 chiếm 1,69%. Từ Bảng 3, cho thấy số lượng các chi có số loài nhiều hơn 2 là rất ít (6 chi). Như vậy có thể kết luận thành phần cây thuốc được cộng đồng Sán Diu ở Thái Nguyên sử dụng rất đa dạng về bậc chi.

#### *Đa dạng bậc loài*

So với số cây thuốc có ở Việt Nam hiện có 4700 loài (theo số liệu của Võ Văn Chi, [5]) thì hệ thực vật được đồng bào Sán Diu tại tỉnh Thái Nguyên sử dụng để chữa bệnh là 178 loài chiếm 3,79% tổng số loài. Số liệu trên cho thấy, mặc dù Sán Diu là một dân tộc ít người mới di cư sang Việt Nam sinh sống nhưng kinh nghiệm sử dụng cây cỏ làm thuốc chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng cũng khá phong phú. Điều này cho thấy tri thức trong sử dụng cây cỏ để chữa bệnh của cộng đồng Sán Diu ở Thái Nguyên khá phát triển.

#### *Đa dạng về dạng sống*

Dạng sống của thực vật là sự biểu hiện về hình thái, cấu trúc cơ thể thực vật thích nghi với điều kiện môi trường sống, nó liên quan chặt chẽ với các nhân tố sinh thái của mỗi vùng. Nghiên cứu phổ dạng sống của thực vật sẽ là cơ sở để so sánh thảm thực vật của khu vực nghiên cứu với thảm thực vật của các vùng khác nhau trên trái đất [7]. Việc phân tích tính đa dạng về dạng sống của các cây thuốc định hướng cho ta thấy nguồn nguyên liệu để dễ dàng trong việc khai thác và sử dụng. Từ đó đưa ra các chính sách và biện pháp phù hợp cho quá trình khai thác và sử dụng một cách có hiệu quả nguồn tài nguyên này. Do vậy, việc nghiên cứu sự đa dạng về phổ dạng sống của các cây cỏ được đồng bào dân tộc Sán Diu ở tỉnh Thái Nguyên sử dụng làm thuốc là rất quan trọng.

Bảng 4. Các dạng sống của cây thuốc tại khu vực nghiên cứu

Dạng sống	Ký hiệu	Số loài	Tỉ lệ (%)	SB
Nhóm cây chồi trên	Ph	136	76,40	79,07
Nhóm cây chồi nửa ẩn	Hm	6	3,37	3,49
Nhóm cây có chồi ẩn	Cr	3	1,69	1,74
Nhóm cây một năm	Th	27	15,17	15,70
Chưa xác định		6	3,37	
Tổng		178	100	100

Từ tỉ lệ của các nhóm dạng sống được xác định ở Bảng 4, chúng tôi thiết lập phổ dạng sống (Spectrum of Biology - SB) của hệ thực vật làm thuốc tại khu vực nghiên cứu như sau:  $SB = 79,07Ph + 3,49Hm + 1,74Cr + 15,70Th$

Qua công thức trên ta có thể thấy hệ thực vật làm thuốc ở nơi đây mang đặc trưng của hệ thực vật vùng nhiệt đới. Trong tổng số 178 loài được tìm thấy tại khu vực nghiên cứu, nhóm cây chồi trên (Ph) chiếm ưu thế hơn hẳn so với các nhóm còn lại với tỉ lệ 76,40% tổng số loài. Điều này chứng tỏ khu vực nghiên cứu là nơi thuận lợi cho các loài chồi trên phát triển. Tiếp đến là nhóm cây một năm chiếm tỉ lệ 15,17% tổng số loài, trong đó chủ yếu là các loài cây thuộc họ Lúa (Poaceae), họ Cói (Cyperaceae), họ Cúc (Asteraeae). Nhóm cây chồi nửa ẩn, chỉ chiếm 3,37% tổng số loài và chủ yếu có ở các họ Ráy (Araceae), họ Lan (Orchidaceae). Cuối cùng là nhóm cây chồi ẩn chỉ chiếm 1,69% tổng số loài. Do nhóm cây chồi trên chiếm số lượng ưu thế hơn so với các nhóm dạng sống khác và đây cũng là nhóm có nhiều dạng sống đa dạng nên chúng tôi tiến hành phân tích sâu hơn về nhóm cây chồi trên (Ph) ở khu vực nghiên cứu. Kết quả được chỉ ra ở Bảng 5:

Bảng 5. Các dạng sống của cây thuốc thuộc nhóm cây chồi trên

Dạng sống	Kí hiệu	Số loài	Tỉ lệ (%)	SB
Cây chồi lùn	Na	61	34,27	44,85
Dây leo	Lp	33	18,54	24,26
Cây chồi nhỏ	Mi	23	12,92	16,91
Cây chồi nhỏ	Me	9	5,06	6,62
Cây chồi thân thảo	Hp	8	4,49	5,88
Cây chồi trên to	Mg	1	0,56	0,74
Cây mọc nước	Suc	1	0,56	0,74

Trong 136 cây chồi trên, nhóm cây chồi lùn (Na) có 61 loài, chiếm tỉ lệ cao nhất với 44,85% trong dạng sống Ph, tương ứng với 34,27% tổng số loài của cả hệ. Tiêu biểu là các cây trong họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Cà phê (Rubiaceae)... Tiếp đến là nhóm cây dây leo (Lp) với 24,26% trong dạng sống Ph và 18,54% tổng số loài của cả hệ, chủ yếu gặp ở các họ Tiết dê (Menispermaceae), họ Củ nâu (Dioscoreaceae), họ Thiên lý (Asclepiadaceae)... Đứng thứ ba về số lượng loài là nhóm cây chồi nhỏ (Mi) với 23 loài chiếm 16,91% trong dạng sống của Ph và 12,92% trong dạng sống của cả hệ, chủ yếu là các loài thuộc họ Bông (Malvaceae), họ Cam (Rutaceae)... Nhóm cây chồi nhỏ (Me) có 9 loài chiếm 6,62% trong dạng sống Ph và 5,06% tổng số loài của hệ thực vật, nhóm cây chồi thân thảo có 8 loài chiếm 5,88% trong dạng sống Ph và 4,49% tổng số loài. Các nhóm cây còn lại chiếm tỉ lệ không đáng kể trong dạng sống Ph cũng như đối với cả hệ thực vật làm thuốc tại khu vực nghiên cứu. Trong đó, nhóm cây mọc nước (Suc) và nhóm cây chồi trên to (Mg) đều có 1 loài chiếm 0,74% của dạng sống Ph và chiếm 0,56% trong dạng sống của cả hệ, đó là 2 loài: Vợt gai (*Opuntia dillenii* (Ker - Gawl.) Haw.) thuộc họ Xương rồng (Cactaceae)

và Sau sau (*Liquidambar formosana* Hance) thuộc họ Sau sau (Hamamelidaceae).

#### **Đa dạng các yếu tố địa lý thực vật**

Mỗi khu hệ thực vật được hình thành ngoài môi trường quan với các sinh vật và các điều kiện môi trường cũng như các yếu tố địa lý, địa chất nó còn phụ thuộc vào các điều kiện đã tồn tại trong quá khứ mà nay không còn nữa, chính các yếu tố này đã góp phần tạo nên sự đa dạng sinh học. Để phục vụ cho công tác bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên thực vật, khi xem xét một khu hệ thực vật để hiểu bản chất cấu thành tính đa dạng của nó cần phải xem xét về mặt yếu tố địa lý hệ thực vật nơi đó. Yếu tố địa lý thực vật được thể hiện ở yếu tố đặc hữu và yếu tố di cư. Các loài thuộc yếu tố đặc hữu thể hiện ở sự khác biệt giữa các hệ thực vật với nhau, còn các loài thuộc yếu tố di cư chỉ ra sự liên hệ giữa các hệ thực vật.

Khi nghiên cứu các yếu tố địa lý của hệ thực vật làm thuốc tại khu vực nghiên cứu, chúng tôi căn cứ vào khung phân loại của Nguyễn Nghĩa Thìn (1999) có bổ sung [6] và tiến hành nghiên cứu sự phân bố yếu tố địa lý của 178 loài thực vật làm thuốc tại khu vực nghiên cứu. Nhưng xác định được 172 loài còn 6 loài chưa xác định được do thiếu dẫn liệu và chưa được xếp vào nhóm yếu tố địa lý nào. Chúng tôi đã sắp xếp các loài vào các nhóm yếu tố địa lý trong Bảng 6.

Kết quả thu được ở Bảng 6 cho thấy, tỉ lệ số loài cây thuốc tại khu vực nghiên cứu thuộc yếu tố nhiệt đới nói chung (liên nhiệt đới, cận nhiệt đới, nhiệt đới châu Á và đặc hữu Việt Nam) với 84,27%. Cụ thể yếu tố nhiệt đới châu Á có 83 loài chiếm 46,63 % tổng số loài; yếu tố đặc hữu Việt Nam có 36 loài tương ứng với 20,22% tổng số loài; yếu tố liên nhiệt đới có 17 loài chiếm 9,55% tổng số loài và yếu tố cận nhiệt đới có 14 loài chiếm 7,87%. Yếu tố cây trồng có 14 loài chiếm 7,87% tổng số loài. Có 6 loài thuộc yếu tố ôn đới chiếm 3,37% tổng số loài. Yếu tố thế giới có số loài ít nhất với 2 loài, chiếm 1,12% tổng số loài.

Bảng 6. Các yếu tố địa lí cơ bản của hệ thực vật làm thuốc tại khu vực nghiên cứu

Kí hiệu	Yếu tố địa lí	Số loài	Tỉ lệ (%)	Số loài	Tỉ lệ (%)
1	Yếu tố thể giới	2	1,12	2	1,12
2	Liên nhiệt đới	13	7,30	Liên nhiệt đới	
2.2	Nhiệt đới châu Á, châu Phi và châu Mĩ	2	1,12	17	9,55
2.3	Nhiệt đới châu Á và châu Mĩ	2	1,12		
3	Cổ nhiệt đới	4	2,25	Cổ nhiệt đới	
3.1	Nhiệt đới châu Á và châu Úc	9	5,06	14	7,87
3.2	Nhiệt đới châu Á và châu Phi	1	0,56		
4	Nhiệt đới châu Á	49	27,53	Nhiệt đới châu Á	
4.1	Yếu tố Đông Nam Á	15	8,43		
4.2	Lục địa châu Á	11	6,18		
4.3	Lục địa Đông Nam Á	4	2,25	83	46,63
4.4	Đông Dương - Nam Trung Quốc	3	1,68		
4.5	Đông Dương	1	0,56		
5.1	Đông á Nam Mỹ	0	0,00	Ôn đới	
5.3	Ôn đới Địa Trung Hải	0	0,00	6	3,37
5.4	Đông Á	6	3,37		
6	Đặc hữu Việt Nam	10	5,61	Đặc hữu Việt Nam	
6.1	Cận đặc hữu	26	14,61	36	20,22
7	Các loài cây trồng	14	7,87	14	7,87
	Không xác định	6	3,37		
	Tổng số	178	100		

#### *Đa dạng về nguồn gen quý hiếm*

Trên cơ sở kết quả điều tra và so sánh với các loài thực vật được ghi trong Sách đỏ Việt Nam - phần Thực vật (2007) [8], Nghị định 32/2006/NĐ - CP của Chính phủ [9], và Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam trong Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam của Nguyễn Tập (2007) [10], thống kê được danh lục các loài cây thuốc quý hiếm cần được bảo vệ ở khu vực nghiên cứu.

*Podophyllum tonkinense* Gagnep. - Bát giác liên: theo kinh nghiệm của ông Từ Văn Ba (xóm Na Quán, xã Nam Hòa, huyện Đông Hồ) rễ của loài cây này dùng để chữa các bệnh ung thư, rắn cắn, giải độc. Theo ông hiện tại loài cây này ít gặp ở địa bàn tỉnh Thái Nguyên, ông thường phải mua từ các thương lái ở tỉnh Lào Cai với giá 1.500.000 đồng/kg bột rễ đã phơi khô. Chúng tôi tìm thấy 3 cá thể loài cây này được trồng để bảo tồn tại vườn thuốc nhà ông Từ Văn Ba (xóm Na Quán, xã Nam Hòa, huyện Đông Hồ).

Bảng 7. Danh sách các loài cây thuốc quý hiếm cần được bảo tồn

TT	Tên khoa học - Tên phổ thông	Cấp quy định		
		SĐVN	32/NĐ-CP	DLĐCT
1	<i>Ardisia gigantifolia</i> Stalf - Khôi trắng			VU.A1c,d
2	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard - Lá khô	VU A1a,c,d+2d		
3	<i>Dalbergia tonkinensis</i> Poir - Sưa		IA	
4	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib - Hoàng tinh hoa trắng	VU A1c,d	IIA	EN.A2a,c,d
5	<i>Drynaria bonii</i> H. Christ - Tắc kè đá	VU A1a,c,d		VUA1c,d
6	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour. - Hoàng đằng		IIA	
7	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson - Hà thủ ô đỏ	VU A1a,c,d		EN.A3a,c,d
8	<i>Goniothalamus vietnamensis</i> Ban - Bồ bèo đen	VU A1a,c,d B1+2b,e		
9	<i>Melientha suavis</i> Pierre - Rau sắng	VU B1+2e		
10	<i>Morinda officinalis</i> How. - Ba kích			EN.A1a,c,d
11	<i>Nervilia fordii</i> (Hance) Schlechter - Thanh thiên quý	EN A1d+2d	IIA	EN.A1c,d
12	<i>Paris polyphylla</i> Smith. - Trọng lâu nhiều lá	EN A1c,d		EN.B2a,b
13	<i>Podophyllum tonkinense</i> Gagnep. - Bát giác liên	EN A1a,c,d		EN.B2a,b
14	<i>Stephania kwangsiensis</i> H. S. Lo - Bình vôi quang tây		IIA	
15	<i>Stephania sinica</i> Diels - Bình vôi tán ngắn		IIA	
16	<i>Tacca subflabellata</i> P. P.Ling et C. T. Ting - Phả lùa	VU A1a,c,d		VU A1c,d.B2a,b

Trong đó:

SĐVN: Sách đỏ Việt Nam	VU - Sắp nguy cấp - Vulnerable
32/NĐ-CP: Nghị định 32 của Chính phủ	VU: Sắp nguy cấp
DLĐCT: Danh lục, đỏ cây thuốc	Nhóm IA: Cấm khai thác và sử dụng
EN - Rất nguy cấp	Nhóm IIA: Hạn chế khai thác và sử dụng

*Drynaria bonii* H. Christ - Tắc kè đá: được cộng đồng người Sán Diu sử dụng để chữa các bệnh như ung thư, chữa đau dây thần kinh tọa, vôi cột sống. Do có môi trường sống chủ yếu là đồi núi đá vôi hơn nữa do người dân khai thác đem bán cho các thương lái, hiệu thuốc quá nhiều nên trong những năm gần đây loài cây này gần như bị tuyệt chủng. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên các hiệu thuốc và thương lái đặt mua với giá khoảng 50.000đ/kg.

*Morinda officinalis* How. - Ba kích: được cộng đồng người Sán Diu sử dụng làm thuốc bổ, mạnh gân cốt, chữa tiêu chảy, liệt dương. Tại tỉnh Thái Nguyên chúng tôi tìm thấy 2 cá thể của loài cây này được trồng để bảo tồn tại nhà ông Từ Văn Ba (xóm Na Quán, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ).

*Nervilia fordii* (Hance) Schlechter – Thanh thiên quý: ở nước ta Thanh thiên quý mọc trên kẽ đá, vùng núi đá vôi và ở nơi ẩm ướt vùng

chân núi Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai... người Sán Diu dùng loài cây này để chữa ho, lao phổi. Theo người dân nơi đây loài cây này hiện có với số lượng rất ít do trước đây người dân khai thác mang bán sang Trung Quốc.

*Paris polyphylla* Smith. - Trọng lâu nhiều lá: được người Sán Diu sử dụng để chống ung thư, giải độc. Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chúng tôi tìm thấy 4 cá thể được trồng để bảo tồn tại vườn thuốc nhà ông Từ Văn Ba (xóm Na Quán, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ). Rễ (củ) của loài cây này hiện được bán với giá 200.000đ/kg còn tươi.

*Fallopia multiflora* (Thunb.) Haraldson - Hà thủ ô đỏ: theo kinh nghiệm của ông Lục Ngọc Quý (xóm Hạ, xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên) rễ của loài cây này có tác dụng chữa đái dầm, mạnh gân cốt, bổ khí huyết, làm xanh tóc mọc râu còn thân, lá non có thể dùng làm rau ăn. Hiện nay loài cây này được trồng khá nhiều tại vườn thuốc của các thầy lang trong địa bàn tỉnh.

*Disporopsis longifolia* Craib - Hoàng tinh hoa trắng: cũng giống kinh nghiệm sử dụng cây cỏ làm thuốc của cộng đồng dân tộc Dao ở Thái Nguyên loài cây này được dùng rễ (củ) để làm thuốc bổ dưỡng cơ thể, tăng cường sức khỏe. Hiện nay loài cây này được trồng trong vườn thuốc của các thầy lang để bảo tồn còn rất ít gặp trong tự nhiên.

*Ardisia gigantifolia* Stalf - Khôi trắng: được cộng đồng người Sán Diu sử dụng để chữa các bệnh về dạ dày. Loài cây này thường mọc ở nơi râm mát, có khả năng tái sinh bằng thân, cành.

*Stephania kwangsiensis* H. S. Lo - Bình vôi quang tây: cây Bình vôi thường sống ở các vùng núi đá vôi như các tỉnh Lạng Sơn, Hà

Giang, Cao Bằng nhưng cũng có thể mọc ở núi đất nên được các thầy lang đem về vườn trồng. Tuy nhiên theo kinh nghiệm của họ thì cây mọc ở trong vườn rễ củ thường không to bằng mọc trên núi đá. Loài cây này được người Sán Diu dùng để bồi bổ sức khỏe, chữa chứng mất ngủ.

*Stephania sinica* Diels - Bình vôi tán ngắn: người Sán Diu dùng thân, lá loài cây này để chữa các bệnh về đường ruột, u nội tạng. Hiện nay loài cây này được trồng khá nhiều trong vườn thuốc của các thầy lang.

*Melientha suavis* Pierre - Rau sắng: theo kinh nghiệm của ông Từ Văn Ba (xóm Na Quán, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ) loài cây này được dùng để chữa các bệnh về thận. Theo ông hiện nay số lượng loài Rau sắng bị suy giảm rất nhiều do người dân khai thác đem bán cho nhiều thương lái và các cửa hiệu thuốc nam nên rất hiếm gặp.

*Ardisia silvestris* Pitard - Lá khô: theo kinh nghiệm của ông Từ Văn Ba (xóm Na Quán, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ) loài cây này được dùng để chữa viêm buồng trứng, thai chết lưu.

*Goniothalamus vietnamensis* Ban - Bồ bèo đen: đây là loài cây đặc hữu của Việt Nam. Theo kinh nghiệm của ông Lục Ngọc Quý (xóm Hạ, xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên) loài cây này được dùng làm thuốc bổ, tạo cơ bắp, tăng cường sức khỏe.

*Tacca subflabellata* P. P.Ling et C. T. Ting - Phá lúa: được người Sán Diu ở Thái Nguyên sử dụng rễ (củ) để chữa bệnh sốt rét, chữa tiền đình bằng cách ngâm rễ (củ) còn tươi hoặc phơi khô sắc nước, ngoài ra quả của loài cây này được dùng để chữa các loại viêm nhiễm. Theo kinh nghiệm của ông Từ Văn Ba (xóm Na Quán, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ) loài cây này có thể tái sinh bằng hạt hoặc bằng rễ.



Khoảng bốn năm về trước ông thường mua từ người dân trong làng với giá 20.000đ/kg nhưng hiện nay loài cây này rất hiếm gặp.

*Dalbergia tonkinensis* Pairn - Sura: theo kinh nghiệm chữa bệnh của người Sán Dìu ở Thái Nguyên, loài cây này được dùng để chữa bệnh ung thư, chữa mẩn ngứa.

*Fibraurea tinctoria* Lour. - Hoàng đằng: được người Sán Dìu sử dụng để chữa các bệnh về gan, thận. Hoàng đằng là cây thuốc quý, mọc hoang ở vùng núi nước ta, nơi ẩm mát ven rừng, ven suối. Hiện nay do nhu cầu thu mua cao của thị trường, người dân đã lên núi khai thác. Do vậy hiện tại số lượng loài cây này suy giảm rất nhiều trong tự nhiên.

#### 4. Kết luận

Đã thu được 178 loài thực vật có công dụng làm thuốc thuộc 141 chi, 69 họ của 3 ngành thực vật bậc cao có mạch.

Công thức phổ dạng sống của hệ thực vật làm thuốc tại khu vực nghiên cứu: SB = 79,07Ph + 3,49Hm + 1,74Cr + 15,70Th .

Xây dựng được phổ yếu tố địa lí của hệ thực vật làm thuốc tại tỉnh Thái Nguyên được cấu thành bởi 5 yếu tố chính: nhiệt đới 84,27%, đặc hữu 20,22%, ôn đới 3,37%, yếu tố thế giới 1,12% và yếu tố cây trồng 7,87%.

Số lượng cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn ở khu vực nghiên cứu có 16 loài; chiếm 8,99% tổng số loài cây thuốc thu được.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Phạm Hoàng Hộ, 1999-2000. Cây cỏ Việt Nam. Nxb. trẻ Tp Hồ Chí Minh, tập 1-3.
- [2] Đỗ Huy Bích nnk., 2004. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, tập 1, 2, 3.
- [3] Đỗ Tất Lợi, 2005. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nxb. Nội, 1274tr.
- [4] Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, 2001 - 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp Hà Nội, tập 2-3.
- [5] Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb. Hà Nội, tập 1 -2.
- [6] Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Raunkiaer C., 1934. The Life Forms of Plants and Statistical Plant Geography, being the collected papers of C. Raunkiaer. Oxford University.
- [8] Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007. Sách đỏ Việt Nam, phần Thực vật, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 611tr.
- [9] Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2006. Nghị định 32/2006/CP-NĐ về Nghiêm cấm, hạn chế khai thác và sử dụng các loài động thực vật hoang dã, 13 tr.
- [10] Nguyễn Tập, 2007. Cẩm nang Cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam, Viện Dược liệu, 23 tr.

## Investigation of Medicinal Plants and Value of Using Medicinal Plants of Sán Dìu Ethnic in Thái Nguyên Province

Lê Thị Thanh Hương<sup>1</sup>, Ngô Đức Phương<sup>2</sup>, Hoàng Thị Tươi<sup>1</sup>,  
Đình Thế An<sup>1</sup>, Nguyễn Trung Thành<sup>2</sup>, Nguyễn Nghĩa Thìn<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*College of Sciences, Thai Nguyen University, Thái Nguyên City, Thái Nguyên, Vietnam*

<sup>2</sup>*VNU University of Science, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** Sán Dìu is a minority ethnic residing quite freezing in the Northern mountainous provinces of Vietnam and the largest in Thái Nguyên province with a population of 37,365 people (1999). Sán Chỉ ethnic people in this ethnic group, their knowledge of medicinal plant resources are abundant. They are summed over generations and handed down from one generation to another. Through the investigation, we have obtained 178 species of medicinal plants, 141 genera, 69 families of 3 branches of vascular plants. Have identified common life forms, common geographical factors of medicinal flora and indigenous knowledge of medicinal plants used by Sán Dìu people in Thái Nguyên province. According to the Red Data Book of Vietnam, we have found 16 species of rare drugs should be preserved in the study area.

*Keyword:* Medicinal plants, indigenous knowledge, Sán Dìu ethnic, Thái Nguyên.